



- › **THƯƠNG HIỆU:** Cibes
- › **TÊN SẢN PHẨM:** Cibes
- › **CÁC SERIES:** Cibes EcoSilent, Cibes Voyager, Cibes Air
- › **VỊ TRÍ LẮP ĐẶT:** Trong nhà và ngoài trời
- › **TẢI TRỌNG:** 300 kg, 400 kg và 500 kg
- › **NGUỒN ĐIỆN:** 220V (1 pha) hoặc 380V (3 pha) (tùy vào tải trọng, hành trình)
- › **CHIỀU CAO ĐỈNH GIẾNG TIÊU CHUẨN:** 2250mm (1300mm với cửa bán tiêu chuẩn)
- › **ĐỘ SÂU HỐ PÍT:** 50-70mm
- › **TIÊU CHUẨN:** MD 2006/42/EC, en81-41, chứng nhận bởi SIL3
- › **HỆ TRUYỀN ĐỘNG:** Trục vít
- › **CÔNG SUẤT:** 1500W
- › **PHÒNG MÁY:** Tích hợp
- › **SỐ ĐIỂM DỪNG TỐI ĐA:** 6
- › **HƯỚNG MỞ CỬA:** 3 hướng linh hoạt
- › **CHỨC NĂNG AN TOÀN:** Tự động đưa thang về tầng thấp hơn gần nhất trong trường hợp mất điện, hệ thống cảnh báo quá tải, hệ thống liên lạc khẩn cấp, hệ thống bảo vệ cửa cơ và điện, viền an toàn sàn thang, có thể kết nối với hệ thống báo cháy trong nhà,...
- › **GIẾNG THANG:** Vách kính cường lực an toàn 2 lớp hoặc vách thép.

Kích Thước	Sàn Thang (mm)		Giếng thang (mm)		Thông Thủy (mm)	
	D	R	D	R	D	R
XS	600	830	960	882	1020	980
S	800	830	1160	882	1220	980
S	900	830	1260	882	1320	980
S	1000	830	1360	882	1420	980
S	800	930	1160	982	1220	1080
S	900	930	1260	982	1320	1080
S	1000	930	1360	982	1420	1080
S	1100	930	1460	982	1520	1080
M	800	1217	1160	1265	1220	1380
M	900	1217	1260	1265	1320	1380
M	1000	1267	1360	1315	1420	1430
L	1000	1367	1360	1415	1420	1530
L	1100	1367	1460	1415	1520	1530
L	900	1467	1260	1515	1320	1630
L	1000	1467	1360	1515	1420	1630
L	1100	1467	1460	1515	1520	1630
XL	1100	1597	1460	1645	1520	1760

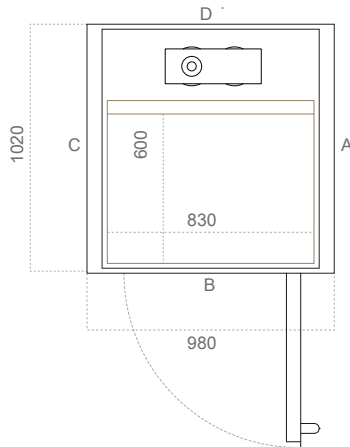
Lưu ý: Các kích thước trên chỉ mang tính tham khảo, kích thước cuối cùng sẽ phụ thuộc vào thực tế.

D=DÀI: Vuông góc với cạnh máy.

R=RỘNG: Song song với cạnh máy.

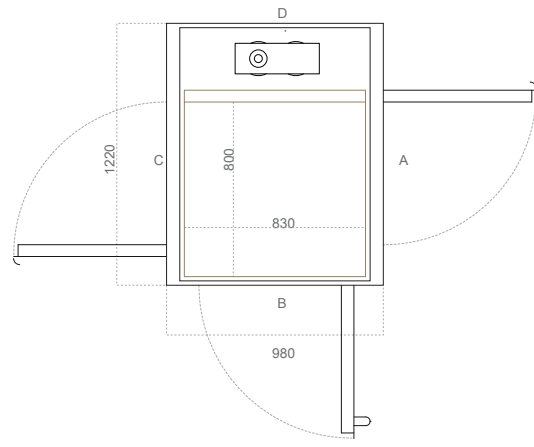
KÍCH THƯỚC CIBES

XS	Phương án 1 (D x R) mm
Sàn thang	600 x 830
Hoàn thiện	960 x 872
Thông thủy	1020 x 980

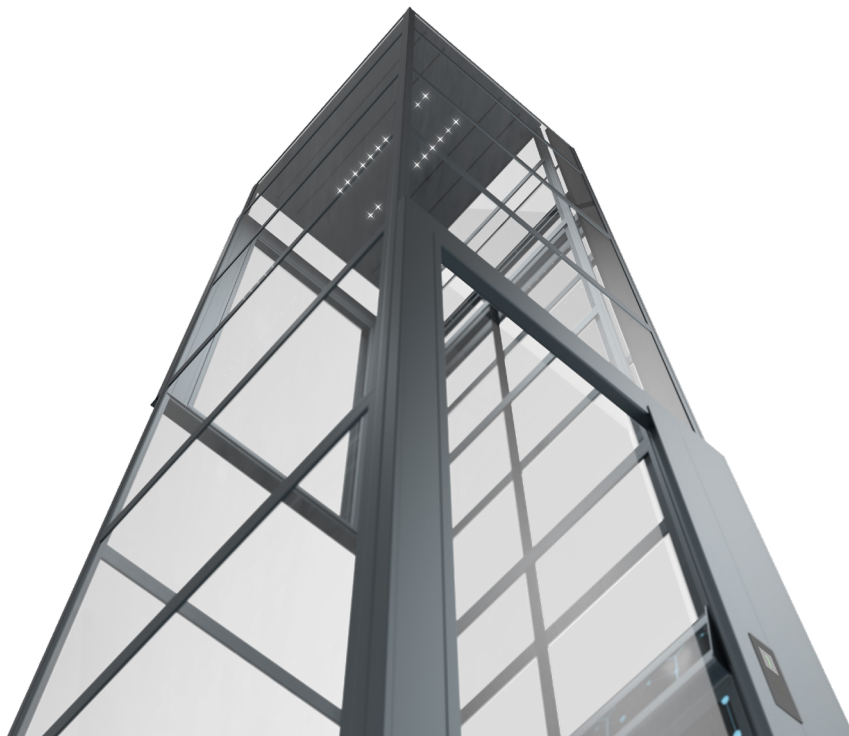


Chiều rộng mở cửa (mm)		
Loại cửa	Cạnh A/C	Cạnh B
A10/A20 (thép)	/	700
AL5/AL6 (nhôm)	/	650
EI60/EI60G (chống cháy)	/	/
A15/A25 (cửa bán tiêu chuẩn)	/	/

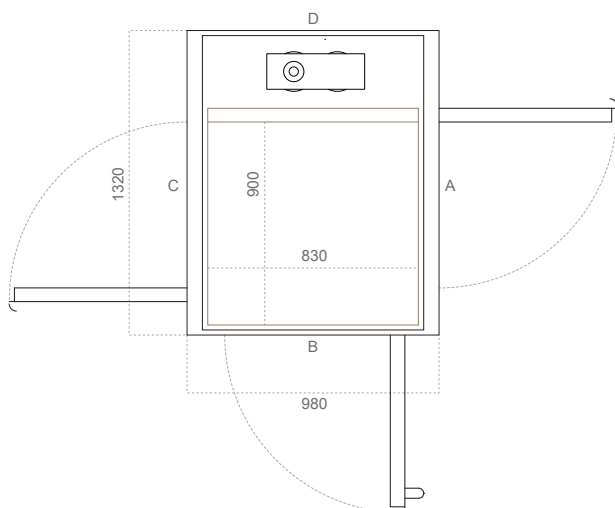
S	Phương án 1 (D x R) mm
Sàn thang	800 x 830
Hoàn thiện	1160 x 872
Thông thủy	1220 x 980



Chiều rộng mở cửa (mm)		
Loại cửa	Cạnh A/C	Cạnh B
A10/A20 (thép)	700	700
AL5/AL6 (nhôm)	700	650
EI60/EI60G (chống cháy)	700	/
A15/A25 (cửa bán tiêu chuẩn)	700	/

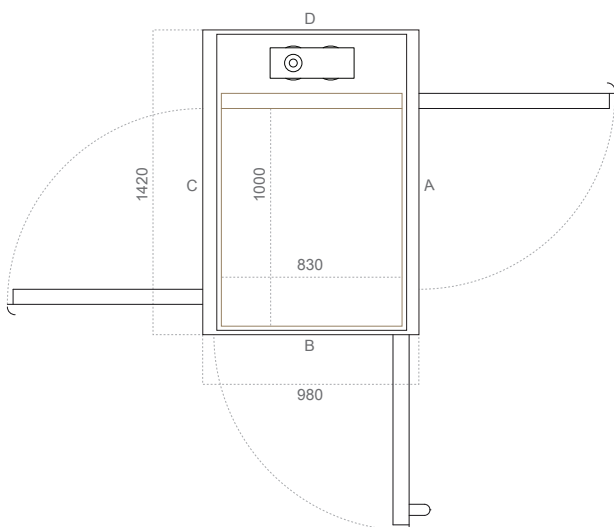


S	Phương án 2 (D x R) mm
Sàn thang	900 x 830
Hoàn thiện	1260 x 872
Thông thủy	1320 x 980



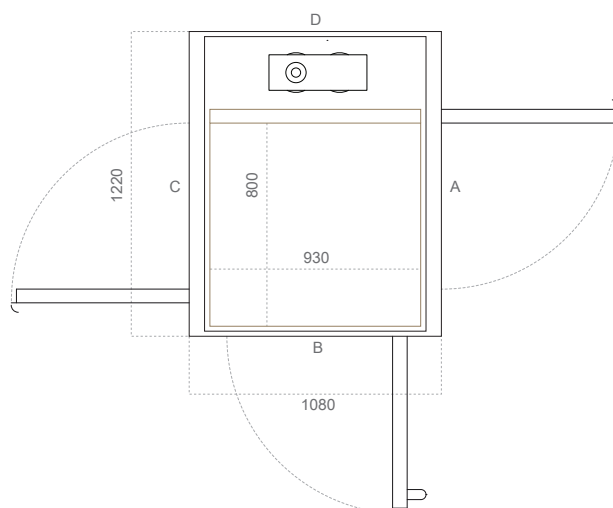
Chiều rộng mở cửa (mm)		
Loại cửa	Cạnh A/C	Cạnh B
A10/A20 (thép)	800	700
AL5/AL6 (nhôm)	800	650
EI60/EI60G (chống cháy)	800	/
A15/A25 (cửa bán tiêu chuẩn)	800	/

S	Phương án 3 (D x R) mm
Sàn thang	1000 x 830
Hoàn thiện	1360 x 872
Thông thủy	1420 x 980



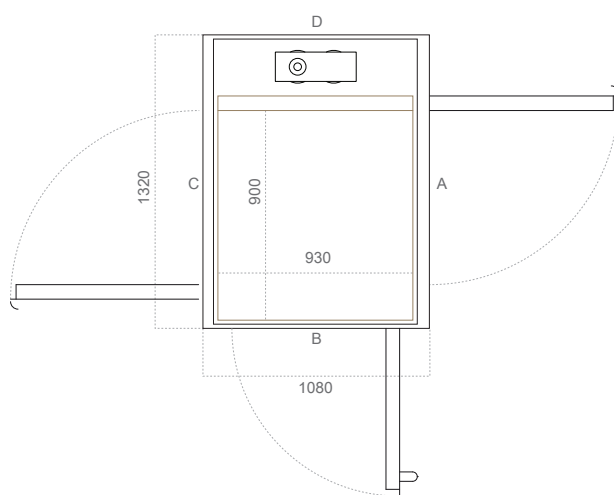
Chiều rộng mở cửa (mm)		
Loại cửa	Cạnh A/C	Cạnh B
A10/A20 (thép)	900	700
AL5/AL6 (nhôm)	900	650
EI60/EI60G (chống cháy)	900	/
A15/A25 (cửa bán tiêu chuẩn)	900	/

S	Phương án 4 (D x R) mm
Sàn thang	800 x 930
Hoàn thiện	1160 x 972
Thông thủy	1220 x 1080



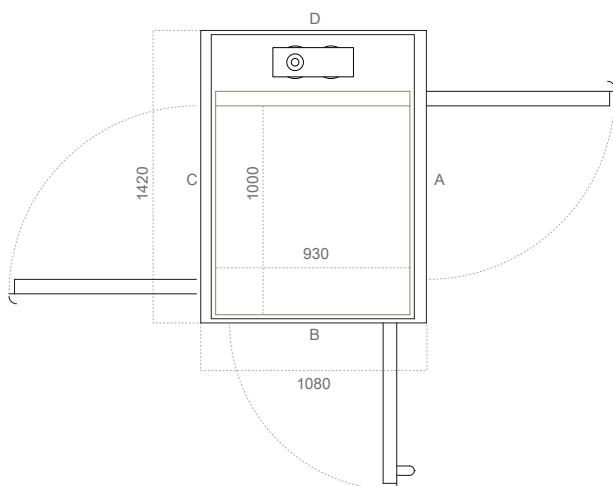
Chiều rộng mở cửa (mm)		
Loại cửa	Cạnh A/C	Cạnh B
A10/A20 (thép)	700	800
AL5/AL6 (nhôm)	700	750
EI60/EI60G (chống cháy)	700	/
A15/A25 (cửa bán tiêu chuẩn)	700	/

S	Phương án 5 (D x R) mm
Sàn thang	900 x 930
Hoàn thiện	1260 x 972
Thông thủy	1320 x 1080



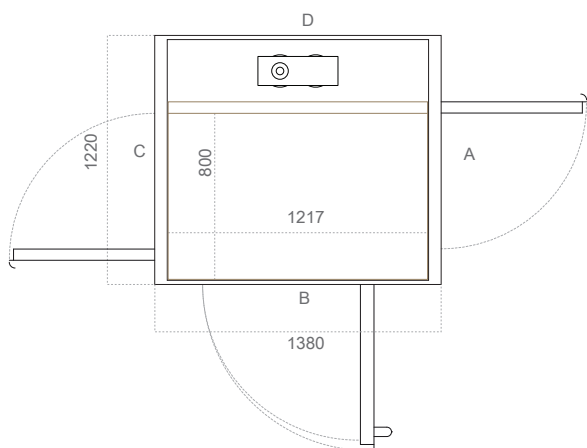
Chiều rộng mở cửa (mm)		
Loại cửa	Cạnh A/C	Cạnh B
A10/A20 (thép)	800	800
AL5/AL6 (nhôm)	800	750
EI60/EI60G (chống cháy)	800	/
A15/A25 (cửa bán tiêu chuẩn)	800	/

S	Phương án 6 (D x R) mm
Sàn thang	1000 x 930
Hoàn thiện	1360 x 972
Thông thủy	1420 x 1080



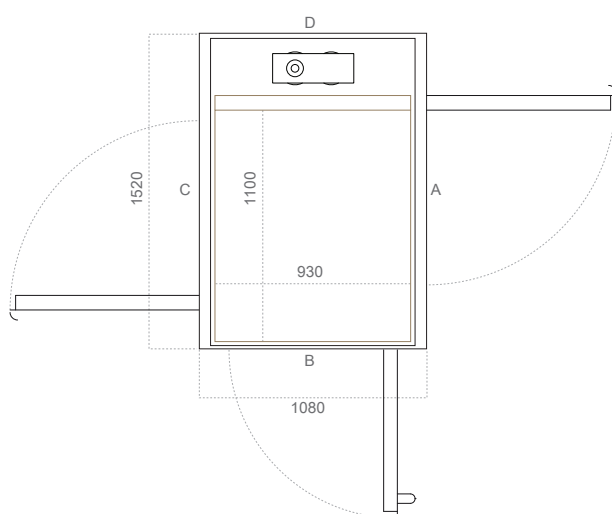
Chiều rộng mở cửa (mm)		
Loại cửa	Cạnh A/C	Cạnh B
A10/A20 (thép)	900	800
AL5/AL6 (nhôm)	900	750
EI60/EI60G (chống cháy)	900	/
A15/A25 (cửa bán tiêu chuẩn)	900	/

M	Phương án 1 (D x R) mm
Sàn thang	800 x 1217
Hoàn thiện	1160 x 1259
Thông thủy	1220 x 1380



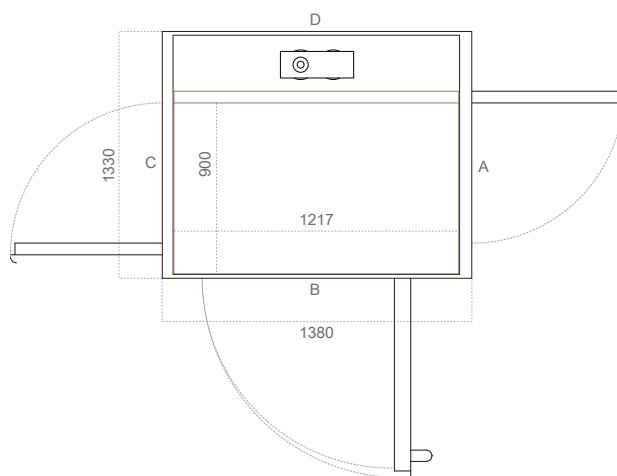
Chiều rộng mở cửa (mm)		
Loại cửa	Cạnh A/C	Cạnh B
A10/A20 (thép)	700	750
AL5/AL6 (nhôm)	700	800
EI60/EI60G (chống cháy)	700	750
A15/A25 (cửa bán tiêu chuẩn)	700	750

S	Phương án 7 (D x R) mm
Sàn thang	1100 x 930
Hoàn thiện	1460 x 972
Thông thủy	1520 x 1080



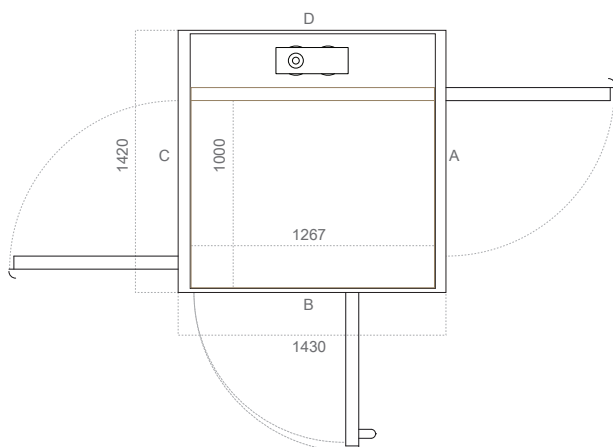
Chiều rộng mở cửa (mm)		
Loại cửa	Cạnh A/C	Cạnh B
A10/A20 (thép)	900	800
AL5/AL6 (nhôm)	900	750
EI60/EI60G (chống cháy)	900	/
A15/A25 (cửa bán tiêu chuẩn)	900	/

M	Phương án 2 (D x R) mm
Sàn thang	900 x 1217
Hoàn thiện	1260 x 1259
Thông thủy	1320 x 1380

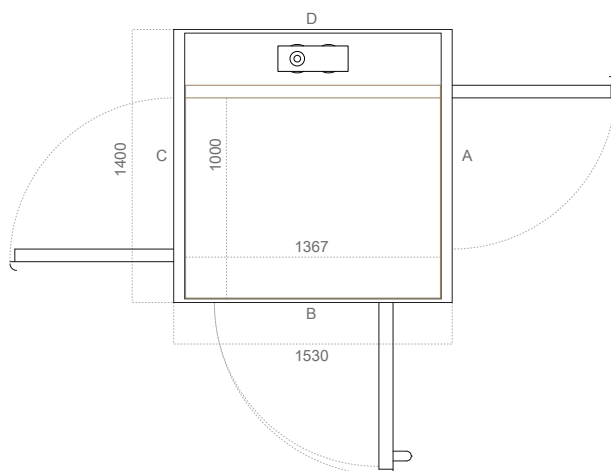


Chiều rộng mở cửa (mm)		
Loại cửa	Cạnh A/C	Cạnh B
A10/A20 (thép)	800	750
AL5/AL6 (nhôm)	800	800
EI60/EI60G (chống cháy)	800	750
A15/A25 (cửa bán tiêu chuẩn)	800	750

M	Phương án 3 (D x R) mm
Sàn thang	1000 x 1267
Hoàn thiện	1360 x 1309
Thông thủy	1420 x 1430



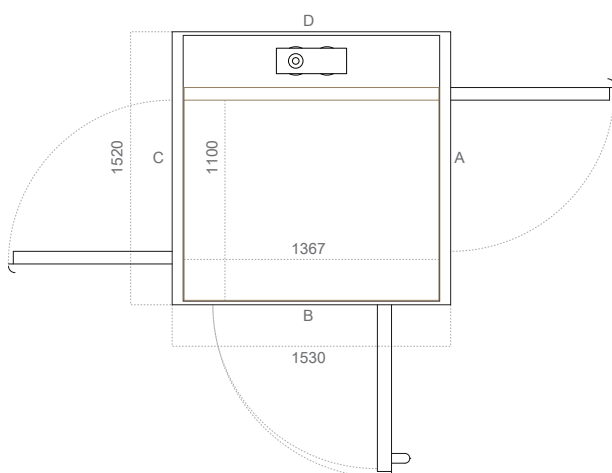
L	Phương án 1 (D x R) mm
Sàn thang	1000 x 1367
Hoàn thiện	1360 x 1409
Thông thủy	1400 x 1530



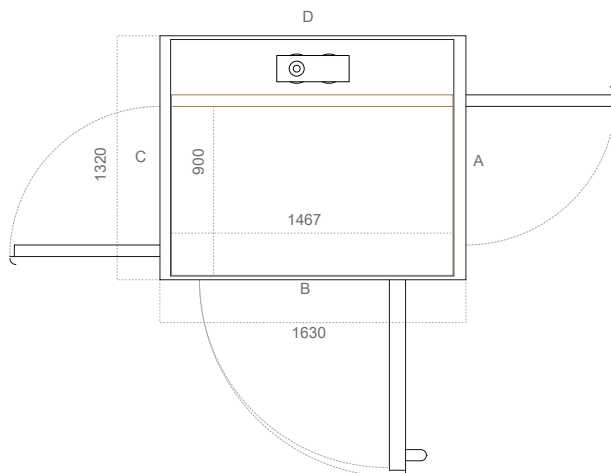
Chiều rộng mở cửa (mm)		
Loại cửa	Cạnh A/C	Cạnh B
A10/A20 (thép)	900	800
AL5/AL6 (nhôm)	900	850
E160/E160G (chống cháy)	900	800
A15/A25 (cửa bán tiêu chuẩn)	900	800

Chiều rộng mở cửa (mm)		
Loại cửa	Cạnh A/C	Cạnh B
A10/A20 (thép)	900	900
AL5/AL6 (nhôm)	900	950
E160/E160G (chống cháy)	900	900
A15/A25 (cửa bán tiêu chuẩn)	900	900

L	Phương án 2 (D x R) mm
Sàn thang	1100 x 1367
Hoàn thiện	1460 x 1409
Thông thủy	1520 x 1530



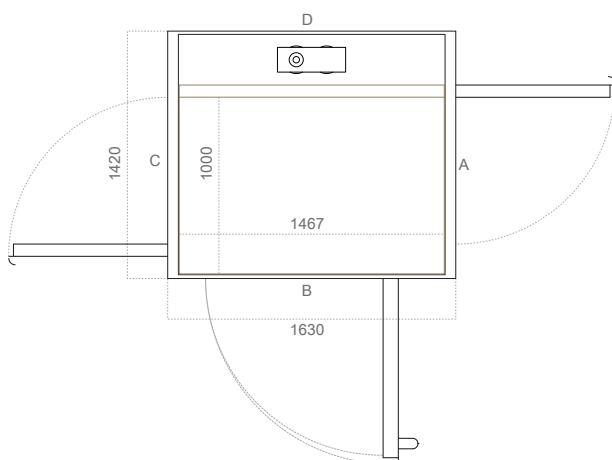
L	Phương án 3 (D x R) mm
Sàn thang	900 x 1467
Hoàn thiện	1260 x 1509
Thông thủy	1320 x 1630



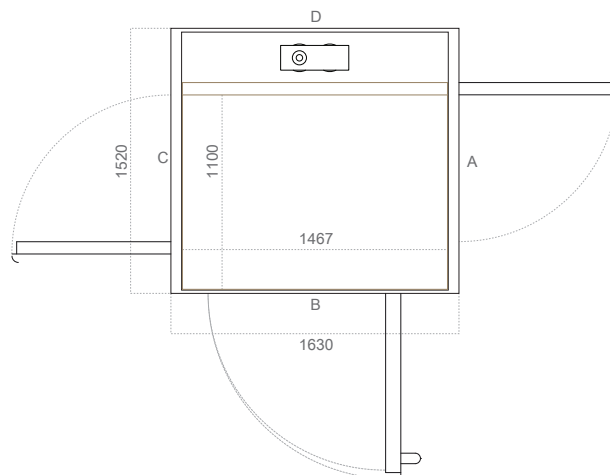
Chiều rộng mở cửa (mm)		
Loại cửa	Cạnh A/C	Cạnh B
A10/A20 (thép)	900	900
AL5/AL6 (nhôm)	900	950
E160/E160G (chống cháy)	900	900
A15/A25 (cửa bán tiêu chuẩn)	900	900

Chiều rộng mở cửa (mm)		
Loại cửa	Cạnh A/C	Cạnh B
A10/A20 (thép)	800	1000
AL5/AL6 (nhôm)	800	1050
E160/E160G (chống cháy)	800	1000
A15/A25 (cửa bán tiêu chuẩn)	800	1000

L	Phương án 4 (D x R) mm
Sàn thang	1000 x 1467
Hoàn thiện	1360 x 1509
Thông thủy	1420 x 1630



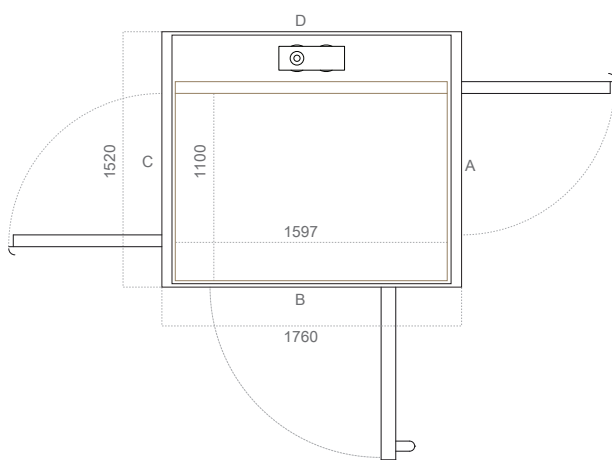
L	Phương án 5 (D x R) mm
Sàn thang	1100 x 1467
Hoàn thiện	1460 x 1509
Thông thủy	1520 x 1630



Chiều rộng mở cửa (mm)		
Loại cửa	Cạnh A/C	Cạnh B
A10/A20 (thép)	900	1000
AL5/AL6 (nhôm)	900	1050
E160/E160G (chống cháy)	900	1000
A15/A25 (cửa bán tiêu chuẩn)	900	1000

Chiều rộng mở cửa (mm)		
Loại cửa	Cạnh A/C	Cạnh B
A10/A20 (thép)	900	1000
AL5/AL6 (nhôm)	900	1050
E160/E160G (chống cháy)	900	1000
A15/A25 (cửa bán tiêu chuẩn)	900	1000

XL	Phương án 1 (D x R) mm
Sàn thang	1100 x 1597
Hoàn thiện	1460 x 1639
Thông thủy	1520 x 1760



Chiều rộng mở cửa (mm)		
Loại cửa	Cạnh A/C	Cạnh B
A10/A20 (thép)	900	1000
AL5/AL6 (nhôm)	900	1050
E160/E160G (chống cháy)	900	1000
A15/A25 (cửa bán tiêu chuẩn)	900	/



Cibēs



SCAN MÃ QR ĐỂ
CHAT TRỰC TIẾP VỚI
CHÚNG TÔI

CÔNG TY TNHH CIBES LIFT VIỆT NAM

Website: www.cibeslift.com.vn | **Email:** vietnam@cibeslift.com | **Tel:** 1800 1754

Hà Nội: tầng 3, HITC, 239 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

Hồ Chí Minh: Căn B1-00.02, toà nhà Sarimi, khu đô thị Sala, thành phố Thủ Đức, Hồ Chí Minh

Quảng Ninh: Nhà số A12-01 Dự án Monbay, Phường Hồng Hải, TP Hạ Long.